

BẢNG KẾT QUẢ THI KỸ NĂNG NÓI**Kỳ thi:** Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B2) **Phòng thi:** Phòng chờ thi B1.303**Môn thi:** Kỹ năng nói**Ca thi:** 13h30**Ngày thi:** 14/01/2022

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ		
1	TA0189	Phạm Viết Khánh	18/10/1997				
2	TA0190	Đặng Trần Nhật Linh	27/07/1999				
3	TA0191	Nguyễn Quang Linh	04/06/1998				
4	TA0192	Trần Diệu Linh	18/09/1999				
5	TA0193	Mai Thị Loan	26/12/1999				
6	TA0194	Nguyễn Duy Lộc	22/02/1998				
7	TA0195	Nguyễn Hữu Lợi	12/11/1997				
8	TA0196	Ngô Quang Luân	09/05/1999				
9	TA0197	Nguyễn Tiến Mạnh	16/11/1999				
10	TA0198	Trần Trọng Nghĩa	16/06/1998				
11	TA0199	Trương Trọng Nghĩa	15/01/1998				
12	TA0200	Vũ Văn Phúc	28/04/1998				
13	TA0201	Nguyễn Cúc Phương	08/08/1998				
14	TA0202	Nguyễn Tuấn Quang	27/09/1998				
15	TA0203	Tăng Thị Như Quỳnh	20/09/1999				
16	TA0204	Phạm Trường Sinh	02/05/1999				
17	TA0205	Nguyễn Như Tâm	06/10/1999				
18	TA0206	Lương Ngọc Thắng	15/06/1998				
19	TA0207	Vương Văn Thắng	25/10/1999				
20	TA0208	Mai Văn Thịnh	28/09/1999				
21	TA0209	Đoàn Văn Thuận	28/04/1998				
22	TA0210	Nguyễn Minh Tiến	02/05/1999				
23	TA0211	Nguyễn Quang Trung	01/02/1998				
24	TA0212	Nguyễn Anh Tuấn	09/08/1998				
25	TA0213	Lê Thanh Tùng	07/06/1999				

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ		
26	TA0214	Phan Khánh Tùng	28/11/1997				
27	TA0215	Đỗ Thị Hải Yến	21/05/1999				
28	TA0216	Vũ Quốc Hải	05/06/1997				
29	TA0217	Mai Quốc Đạt	17/09/1997				
30	TA0218	Hà Thị Lan	23/07/1996				

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ chấm thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ chấm thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)